TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **225/**2023/DS-ST
-Ngày: 04/7/2023
-V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông **Phạm Văn Tài**;

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà **Cao Thị Thùy Trang** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.***

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964**.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

* *Đại diện theo ủy quyền*: **Trần Văn T, sinh năm 1965**.

Địa chỉ: ấp : ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Võ Thị A** (Võ Thị Ngọc Anh)**, sinh năm 1965**.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Văn G, sinh năm 1952.** Địa chỉ: : ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Ông Trần Văn T có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày cũng như qua hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn Tám trình bày:* Bà L có tên thường gọi là vợ N. Qua quen biết, vợ chồng bà L có cho bà A, tên thường gọi là Ngọc A vay số tiền như sau:

- Ngày 20/12/2019, bà A vay số tiền 231.000.000 đồng để làm vốn mua bán, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, bà A hứa vay 20 tháng sẽ trả lại, chị A có viết giấy nợ và ký tên;

- Ngày 30/4/2020, bà A vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả lại 5.000.000 đồng và trả trong 20 tháng sẽ trả hết nợ. Bà A có viết giấy nợ, ký tên và có trả trước 12 tháng được số tiền 60.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng bà cứ hẹn hoài không trả.

Tổng số tiền bà A còn nợ vợ chồng bà L, ông G là 271.000.000 đồng vì vậy vợ chồng bà L, ông G khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Võ Thị A vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án*;

** Tại bản tự khai người có quyền, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn G trình bày:* vợ chồng ông có cho bà A vay tiền và bà A còn nợ lại tổng cộng 271.000.000 đồng. Nay vợ ông là bà L khởi kiện, ông yêu cầu bà A trả cho vợ chồng ông số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ để dự phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn G có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả lại cho vợ chồng bà số tiền vốn đã vay là 271.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả lại số tiền vốn đã vay là 271.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà L cung cấp cho Tòa án bản chính "Biên nhận nợ viết tay ngày 20/12/2019" và "Biên nhận nợ viết tay ngày 30/4/2020" có chữ ký và chữ viết họ, tên của bà Võ Thị A. Tại phiên tòa, đại diện bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả lại cho vợ chồng bà L, ông G số tiền vốn đã vay là 271.000.000 đồng.

Xét thấy: Căn cứ "Biên nhận nợ viết tay ngày 20/12/2019" có nội dung: "*Chị A có mượn vợ chồng N số tiền 231.000.000 đồng (Hai tâm ba mốt tiệu chẳn), lãi suất ba phần tâm một tháng*" và "Biên nhận nợ viết tay ngày 30/4/2020" có nội dung: "*Chị A có mượn vợ N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), mỗi tháng trả 5.000.000 đồng trả 20 tháng hết, bắt đầu ngày 30/5/2020 trả tới 30/12/2021*", các biên nhận đều có ký tên bà A, họ tên Võ Thị Ngọc A.

Bà A vay tiền của vợ chồng bà L và hứa mỗi tháng trả lại 5.000.000 đồng, bắt đầu trả từ 30/5/2020 cho đến 30/12/2021, tuy nhiên bà thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền và còn nợ lại vợ chồng bà L số tiền tổng cộng 271.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản nên bà L khởi kiện là phù hợp quy định của pháp luật. Bà A được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để trình bày ý kiến về việc bà L khởi kiện và văn bản tố tụng để tham dự phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến cũng như xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả xong nợ cho bà L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà A có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà L, ông G số tiền 271.000.000 đồng tiền vay là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi: quá trình khởi kiện và tại phiên tòa, bà L không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về thời gian trả nợ: bà L yêu cầu bà A trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, hơn nữa số nợ này quá lớn nếu để lâu sẽ thiệt thòi đến quyền lợi của bà L, ông G nên việc bà L yêu cầu trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà A có nghĩa vụ trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.**

1. Buộc bà Võ Thị A (Võ Thị Ngọc A) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn G số tiền vay 271.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng)* ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Võ Thị A phải chịu 13.550.000 đồng

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 6.775.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu số 0025628 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà A và ông G tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Cc. THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, av;

Phạm Văn Tài